

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/HS-PT

Ngày: 24 – 5 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mỹ.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 80/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Lương Duy P cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lương Duy P, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1983 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số H, ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Ngọc Đ, sinh năm 1955 và bà Lê Thanh T, sinh năm 1966; Có vợ Lê Ngọc T1 (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày 03 tháng 3 năm 2022; Tạm giam: Ngày 11 tháng 3 năm 2022, đến ngày 15 tháng 6 năm 2022 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Bị cáo đang tại ngoại (Có mặt).

2. Nguyễn Kim T2, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Kim L và bà Phạm Thị H (chết); Có vợ và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày 05 tháng 3 năm 2022; Tạm giam: Ngày 11 tháng 3 năm 2022, đến ngày 15 tháng 6 năm 2022 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Bị cáo đang tại ngoại (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Ngọc T1, Lương Bảo V không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 20 phút ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại thủy phận sông T thuộc ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, Cơ quan Cảnh sát điều tra phối hợp Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Đ phát hiện bắt quả tang 04 phương tiện xà lan đang nhận hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) của Giáp Văn T3 giao, cụ thể 04 hóa đơn thu giữ trên các xà lan gồm: Xà lan BTr - 8307, 01 hóa đơn do Công ty Trách nhiệm hữu hạn T8 xuất; xà lan HGi - 4499, 01 hóa đơn do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên L1 xuất (Cty Lương Duy P); xà lan HGi - 5749 và xà lan HGi - 0909, 02 hóa đơn do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N (C) xuất.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đ đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Giáp Văn T3. Căn cứ lời khai và tài liệu thu giữ của T3 đồng thời khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lương Duy P, Nguyễn Kim T2, Nguyễn Thị Cẩm G; trụ sở Cty Lương Duy P, trụ sở C, trụ sở Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) V thu giữ nhiều tài liệu, thiết bị, con dấu và đồ vật, tài liệu khác liên quan đến hành vi mua bán trái phép hóa đơn.

Mở rộng điều tra xác định như sau:

Cty Lương Duy P do Lương Duy Phúc trực tiếp làm Giám đốc, thành lập vào ngày 16 tháng 6 năm 2016, ngành nghề kinh doanh vận tải, kéo xà lan, K, kéo thuê. Cty Lương Duy P sử dụng hóa đơn đặt in, đăng ký khai báo và thực hiện nghĩa vụ thuế tại Chi Cục thuế Khu vực C1; phương pháp tính thuế GTGT là khấu trừ, khai theo quý.

Từ đầu năm 2017, P bắt đầu sử dụng Cty Lương Duy P để mua bán hóa đơn trái phép. Sau đó, số lượng người liên hệ mua hóa đơn GTGT khổng (không có cát) ngày càng nhiều, nếu chỉ sử dụng 01 pháp nhân, doanh số phát sinh lớn, sẽ gây chú ý cho cơ quan chức năng nên P cần có thêm pháp nhân để xuất hóa đơn GTGT khổng

hợp thức hóa đơn đầu vào, đầu ra. P yêu cầu Lê Ngọc T1 (vợ P) đứng tên thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn N (C) vào ngày 16 tháng 4 năm 2019; Ngành nghề kinh doanh khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. C sử dụng hóa đơn đặt in, đăng ký khai báo và thực hiện nghĩa vụ thuế tại Chi Cục thuế Khu vực C1; phương pháp tính thuế GTGT khấu trừ, khai theo quý; T1 ký sẵn trên hóa đơn, ký các hợp đồng mua bán, biên bản nghiệm thu khối lượng, biên bản giao nhận hàng hóa và ký các thủ tục chuyển tiền để P thực hiện hợp thức hóa chứng từ đầu vào, xuất hóa đơn bán cho cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu. T1 còn cho P sử dụng điện thoại để liên lạc, giao dịch mua bán hóa đơn trái phép với các xà lan.

Thời gian đầu Nguyễn Kim T2 (anh rể họ của T1) được P thuê giao hóa đơn, sau P đề nghị T2 đứng tên thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N (C), vào ngày 06 tháng 6 năm 2020, P trả lương cho T2 5.000.000 - 6.000.000 đồng/01 tháng. Ngành nghề kinh doanh: vật liệu xây dựng, chủ yếu là cát. C sử dụng hóa đơn điện tử, đăng ký khai báo và thực hiện nghĩa vụ thuế tại Chi Cục thuế Khu vực C1; phương pháp tính thuế GTGT: khấu trừ, khai theo quý; quá trình hoạt động kê khai đầy đủ, không nợ thuế.

Lương Duy P còn mượn thêm Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (C2) do Lương Bảo V (em ruột P) đứng tên, thành lập; V biết rõ P đang điều hành hoạt động của Cty Lương Duy P. Khi cho mượn pháp nhân, V được P trả tiền thuế phát sinh, tiền thuê kế toán cho công ty, nên đồng ý. Ngành nghề kinh doanh của công ty: mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, C2 sử dụng hóa đơn do Cục T9 phát hành, đăng ký khai báo và thực hiện nghĩa vụ thuế tại Chi Cục thuế Khu vực C1 từ ngày 12 tháng 7 năm 2019 (trước đó đăng ký thuế tại Chi Cục thuế khu vực A1); phương pháp tính thuế GTGT khấu trừ, khai theo quý. V cũng ký sẵn trên hóa đơn, ký các hợp đồng mua bán, biên bản nghiệm thu khối lượng, biên bản giao nhận hàng hóa và ký các thủ tục chuyển tiền để P thực hiện hợp thức hóa chứng từ đầu vào, xuất hóa đơn bán cho cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu.

Lương Duy P điều hành toàn bộ hoạt động mua bán hóa đơn trái phép của 04 công ty. Khi có xà lan liên hệ, P yêu cầu cung cấp khối lượng cần xuất, tên doanh nghiệp mua khi xà lan chỉ có nhu cầu hóa đơn, P tự điền tên doanh nghiệp vào bên mua để xuất cho xà lan. Đối với các Cty Lương Duy P, Châu Ngọc B, An Phú ANA do sử dụng hóa đơn đặt in và sử dụng hóa đơn do Cục T9 phát hành nên P tự ghi thông tin và xuất hóa đơn. Riêng C sử dụng hóa đơn điện tử, do T2 trực tiếp soạn thảo nội dung trên hóa đơn theo thông tin của P đưa cho T2. Phúc và Tùng không trực tiếp đi giao hóa đơn mà để hóa đơn vào bao thư rồi thuê Lê Văn M, Nguyễn Thị Kim H1, Lê Ngọc T4 chuyển hóa đơn cho các xà lan hoặc chuyển cho Giáp Văn T3 để đưa cho các chủ xà lan ngoài sông.

Sau đó P cân đối số lượng cát ghi trên hóa đơn đã xuất bán để mua hóa đơn GTGT không đầu vào của nhiều doanh nghiệp, cá nhân trong và tỉnh để hợp thức hóa. Giá hóa P xuất bán không cố định, giá hóa đơn P hợp thức hóa đầu vào là cũng khác nhau tùy vào những người bán, vào những thời điểm khác nhau. Phương thức P thực hiện hành vi phạm tội là luân phiên chọn 01 trong 04 Cty Lương Duy P, Châu Ngọc B, A và Ngọc B mua hóa đơn GTGT không đầu vào từ bên ngoài để hợp thức hóa và xuất hóa đơn qua lại cho nhau. Thực tế, P chỉ mua một phần nhỏ cát thật của Công ty Cổ phần X (C3), tất cả những hóa đơn đầu vào còn lại đều là hóa đơn không. Bị cáo P tổng hợp khối lượng cát ghi trong hóa đơn bán ra, sau đó liên hệ mua của nhiều cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh chuyên cung cấp hóa đơn không.

Ngoài ra, từ tháng 07 năm 2021, một số xà lan không cần mua hóa đơn khai thuế (hóa đơn GTGT), mà chỉ cần có hóa đơn để xuất trình khi bị kiểm tra, P gọi là hóa đơn “đi đường”. P đã yêu cầu T2 điều chỉnh những nội dung về khối lượng, người mua từ file hóa đơn điện tử trên máy tính để xuất bán cho các xà lan có nhu cầu. Do không có sổ sách theo dõi, kết quả kiểm tra máy tính xách tay không có dữ liệu nên chỉ chứng minh được P đã xuất 02 hóa đơn “đi đường” ngày 03 tháng 3 năm 2022.

Tổng số lượng hóa đơn mua vào, bán ra trái phép của 04 doanh nghiệp là 14.353 hóa đơn, gồm có:

- Mua vào: 805 hóa đơn, tổng khối lượng 4.093.531,8m³; giá trị 191.227.120.099 đồng, thuế 19.123.551.209 đồng.

- Bán ra: 13.548 hóa đơn, tổng khối lượng: 4.025.486,48m³, tổng giá trị 197.614.023.219 đồng; thuế 19.701.941.522 đồng.

1. Số lượng hóa đơn mua vào, bán ra trái phép của Cty Lương Duy Phúc:

Tổng số hóa đơn Cty Lương Duy P mua vào: 535 hóa đơn; tổng khối lượng 1.749.159,8m³, tổng giá trị 79.819.828.729 đồng, thuế 7.981.982.873 đồng. Tổng số bán ra: 5.460 hóa đơn, tổng khối lượng 1.745.000,48m³, tổng giá trị 87.099.941.595 đồng, thuế 8.709.994.160 đồng. Trong đó:

- Cty Lương Duy P mua cát thật của Cty Xây lắp, sau đó xuất bán sang mạng, bán tay ba tổng cộng: 139 hóa đơn, tổng khối lượng 23.243m³, tổng giá trị 1.262.166.994 đồng, thuế 126.216.700 đồng.

- P sử dụng pháp nhân của 03 Cty xuất hóa đơn hợp thức hóa đầu vào cho Cty Lương Duy P, cụ thể:

+ C2 xuất 60 hóa đơn, tổng khối lượng 157.169m³, tổng giá trị 7.278.488.000 đồng, thuế 727.484.800 đồng.

+ C xuất 06 hóa đơn, tổng khối lượng 1.080m^3 , tổng giá trị 62.640.000 đồng, thuế 6.264.000 đồng.

+ C xuất 51 hóa đơn, tổng khối lượng 38.000m^3 , tổng giá trị 1.771.880.000 đồng, thuế 177.188.000 đồng.

Số lượng hóa đơn Cty Lương Duy P mua, bán trái phép là:

+ Mua vào: tổng số 279 hóa đơn, tổng khối lượng $1.529.667,8\text{m}^3$, tổng giá trị 69.444.653.735 đồng, thuế 6.944.829.373 đồng.

+ Bán ra: tổng số 5.321 hóa đơn, tổng khối lượng $1.721.757,48\text{m}^3$, tổng giá trị 85.837.774.601 đồng, thuế 8.583.777.460 đồng.

2. Số lượng hóa đơn mua vào, bán ra trái phép của Cty Châu Ngọc B.

Tổng cộng C mua vào: 258 hóa đơn, tổng khối lượng: $1.071.965\text{m}^3$, tổng giá trị 51.001.911.464 đồng, thuế 5.100.191.146 đồng. Tổng số bán ra: 4.048 hóa đơn, tổng khối lượng $1.071.965\text{m}^3$, tổng giá trị 51.865.981.818 đồng, thuế 5.186.598.182 đồng. Trong đó:

- C mua bán cát thật với C3 và xuất bán cùng khối lượng: tổng số 06 hóa đơn, tổng khối lượng 1.080m^3 , tổng giá trị 59.340.600 đồng, thuế 5.458.860 đồng.

- P sử dụng 02 pháp nhân xuất hóa đơn hợp thức hóa đầu vào cho Cty Châu Ngọc B, cụ thể:

+ C2 xuất 40 hóa đơn, tổng khối lượng 79.090m^3 , tổng giá trị 5.898.164.000 đồng, thuế 589.816.400 đồng.

+ C xuất 31 hóa đơn, tổng khối lượng 129.006m^3 , tổng giá trị 5.898.164.000 đồng, thuế 589.816.400 đồng.

Số lượng hóa đơn C mua bán trái phép:

+ Mua vào: 221 hóa đơn, tổng khối lượng 941.879m^3 , tổng giá trị 45.044.406.864 đồng, thuế 4.504.915.886 đồng.

+ Bán ra: 4.042 hóa đơn, tổng khối lượng $1.070.885\text{m}^3$, giá trị 51.806.641.218 đồng, thuế 5.181.139.322 đồng.

3. Số lượng hóa đơn mua vào, bán ra trái phép của C2

Tổng cộng C2 mua vào: 137 hóa đơn, tổng khối lượng: 849.217m^3 , tổng giá trị 39.771.976.500 đồng, thuế 3.977.197.650 đồng. Tổng số bán ra: 2.209 hóa đơn, tổng khối lượng 864.195m^3 , tổng giá trị 40.471.463.000 đồng, thuế 4.047.146.300 đồng. Trong đó, P sử dụng pháp nhân của C2 xuất hóa đơn hợp thức hóa đầu vào cho 02 doanh nghiệp sau:

+ Xuất cho C4: 60 hóa đơn, tổng khối lượng $157.169m^3$, tổng giá trị 7.278.488.000 đồng, thuế 727.484.800 đồng.

+ Xuất cho C: 31 hóa đơn, tổng khối lượng $129.006m^3$, tổng giá trị 5.898.164.000 đồng, thuế 589.816.400 đồng.

Tổng số hóa đơn C2 mua bán trái phép:

- Mua vào: 137 hóa đơn, tổng khối lượng $849.217m^3$, tổng giá trị 39.771.976.500 đồng, thuế 3.977.197.650 đồng.

- Bán ra: 2.119 hóa đơn, tổng khối lượng $578.330m^3$, tổng giá trị 27.313.411.000 đồng, thuế 2.731.705.100 đồng

4. Số lượng hóa đơn mua vào, bán ra trái phép của C

Tổng cộng C mua vào: 241 hóa đơn, tổng khối lượng $782.848m^3$, tổng giá trị 37.475.576.600 đồng, thuế 3.747.557.660 đồng. Tổng số hóa đơn bán ra: 2.230 hóa đơn, tổng khối lượng $781.684m^3$, tổng giá trị 38.567.980.000 đồng, thuế 3.796.498.000 đồng. Trong đó:

- C mua cát thật của C3 và xuất bán khối lượng tương đương, tổng cộng 73 hóa đơn, tổng khối lượng $10.080m^3$, tổng giá trị 509.493.600 đồng, thuế 50.949.360 đồng.

- P sử dụng pháp nhân của C xuất hóa đơn hợp thức hóa đầu vào cho 02 doanh nghiệp, cụ thể:

+ Xuất cho C4: 51 hóa đơn, tổng khối lượng $38.000m^3$, tổng giá trị 1.771.880.000 đồng, thuế 177.188.000 đồng.

+ Xuất cho C: 40 hóa đơn, tổng khối lượng $79.090m^3$, tổng giá trị 3.630.410.000 đồng, thuế 363.041.000 đồng.

Tổng số hóa đơn C mua bán trái phép:

- Mua vào: 168 hóa đơn, tổng khối lượng $772.768m^3$, tổng giá trị 36.966.083.000 đồng, thuế 3.696.608.300 đồng.

- Bán ra: 2.066 hóa đơn, tổng khối lượng $654.514m^3$, giá trị 32.656.196.400 đồng, thuế 3.205.319.640 đồng.

* Mặc dù giá cả hóa đơn P xuất bán cho các cá nhân, doanh nghiệp không có phiếu thu nhưng căn cứ vào kết quả sao kê và đối chiếu tài khoản của Lương Duy P và Lê Văn M, có căn cứ xác định số tiền P đã thu lợi bất chính từ hoạt động bán hóa đơn là 3.396.407.000 đồng, cùng với số tiền bán trái phép hóa đơn ngày 03 tháng 3 năm 2022 P nhận từ Thái 12.700.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền P thu lợi bất chính là 3.409.107.000 đồng.

*** Quá trình điều tra đã thu, tạm giữ các đồ vật, tài liệu:**

- *Thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở và nơi làm việc của Lương Duy P gồm:*

+ Tiền Việt Nam: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu S; 01 điện thoại di động hiệu Samsung S21 (là của P, quá trình điều tra xác định đây là phương tiện dùng vào phạm tội)

+ 01 điện thoại di động hiệu APPLE Iphone 13 Pro Max (của T1, không sử dụng vào việc phạm tội).

+ 01 điện thoại di động hiệu APPLE Iphone XS Max (của T1 đưa cho P sử dụng có chứa thông tin trao đổi việc mua bán hóa đơn).

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO (của Lê Ngọc T4 cho P mượn, có chứa thông tin trao đổi việc mua bán hóa đơn trong quá trình chuyển hóa đơn thuê cho P)

+ 01 điện thoại di động hiệu Sasung Galaxy A30 (của Lê Văn M cho P mượn, có chứa thông tin trao đổi việc mua bán hóa đơn trong quá trình chuyển hóa đơn thuê cho P).

+ 01 USB có ghi chữ C không chứa dữ liệu, USB chứa chữ ký số của Nguyễn Kim T2 để thực hiện việc xuất hóa đơn điện tử cho C (đã qua sử dụng).

+ 01 con dấu tròn màu đỏ của C4, 01 con dấu tròn màu đỏ của C2, 01 con dấu tròn màu đỏ của C, 01 con dấu hình vuông màu đỏ của C2, 01 dấu tên Lê Ngọc T1, 01 dấu tên Lương Duy P, 01 dấu tên Lương Bảo V; 01 dấu hình vuông màu xanh ghi chữ bán hàng qua điện thoại; 01 (dấu) hình vuông màu đỏ ghi chữ bán hàng qua điện thoại.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số của C do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và những tài liệu liên quan pháp nhân của Công ty.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số của C4 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và những tài liệu liên quan pháp nhân của Công ty.

- *Thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở và nơi làm việc của Nguyễn Kim T2 gồm: 07 quyển tập học sinh, 02 quyển sổ tay ghi nhiều thông tin chữ và số; 01 giấy nộp tiền. Sau khi mở niêm phong, thu giữ 05 quyển tập, 01 sổ tay có ghi thông tin về khối lượng cát.*

- *Đồ vật, tài liệu do bị cáo Lê Ngọc T1 giao nộp:*

+ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Vostro 3580 chứa phần mềm để xuất hóa đơn cho C.

+ 01 máy in màu trắng đen, Canon LBP 2900 kèm theo 01 dây màu trắng xám và 01 dây màu đen gắn trên máy.

- *Đồ vật, tài liệu thu giữ trong quá trình khám xét tại chỗ ở của Giáp Văn T3:*

+ 17 hóa đơn GTGT và 01 Giấy chứng nhận ĐKKD của nhiều doanh nghiệp khác nhau.

+ 01 điện thoại di động hiệu N1 (không chứa thông tin trao đổi về hóa đơn)

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10S (của T3 có chứa thông tin trao đổi về hóa đơn).

+ 01 điện thoại OPPO Reno6Z 5G (của T5 có chứa thông tin trao đổi về hóa đơn).

+ 12.700.000 đồng (quá trình điều tra xác định là tiền của T3).

+ 01 Căn cứ công dân của Giáp Văn T3.

- *Bà Trần Thị Thùy T6 (vợ bị cáo T2) giao nộp:*

+ 01 con dấu tròn màu đỏ của Công ty TNHH một thành viên N.

+ 01 con dấu tên hình vuông màu đỏ của Nguyễn Kim T2.

- Ngoài ra, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn khám xét khẩn cấp trụ sở D, chỗ ở của Nguyễn Thị Cẩm G thu giữ các tài liệu đồ vật do nghi vấn liên quan đến việc mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định D không có dấu hiệu mua, bán hóa đơn GTGT không và không liên quan đến hành vi phạm tội của P, nên ngày 12 tháng 8 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định xử lý trả lại những đồ vật, tài liệu tạm giữ trong quá trình khám xét.

- Đối với những tài liệu, đồ vật đã thu giữ xác định là phương tiện công cụ phạm tội liên quan đến vụ án sẽ tịch thu nộp ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy, những tài sản cá nhân không sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội sẽ xem xét xử lý trả lại.

- Đối với số tiền 12.700.000 đồng đã thu giữ của T3, xác định vợ của T3 là chị Phạm Thị T7 đã trả cho P trước khi T3 từ xa lan đi về bị bắt kiểm tra và thu giữ, P đã nhận đủ số tiền này.

- Trong giai đoạn điều tra, Lê Ngọc T1 đã nộp 3.600.000.000 đồng để nộp tiền thu lợi bất chính. Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Duy P, Lê Ngọc T1, Nguyễn Kim T2 và Lương Bảo V thống nhất số tiền 3.600.000.000 đồng mà T1 đã nộp và

50.000.000 đồng P đã nộp là do tất cả các bị cáo nộp khắc phục hậu quả của thu lợi bất chính và nộp phạt bổ sung nếu Hội đồng xét xử quyết định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đã xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Lương Duy P, Nguyễn Kim T2, Lê Ngọc T1 và Lương Bảo V đồng phạm Tội mua bán trái phép hoá đơn.

2. Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 203; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Duy P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được trừ đi những ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 3 năm 2022 đến ngày 15 tháng 6 năm 2022.

3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Kim T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được trừ đi những ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 3 năm 2022 đến ngày 15 tháng 6 năm 2022.

Bản án còn tuyên bị cáo Lê Ngọc T1, Lương Bảo V, mỗi bị cáo 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, bị cáo Lương Duy P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, bị cáo Nguyễn Kim T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lương Duy P và bị cáo Nguyễn Kim T2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo thừa nhận Bản án số 05/2023/HS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp kết án bị cáo P phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự, bị cáo T2 phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là quá nặng so với hành vi của các bị cáo và tại phiên tòa bị cáo P giữ nguyên kháng cáo, bị cáo T2 rút kháng cáo xin hưởng án treo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng hành vi của bị cáo Lương Duy P bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán

trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Kim T2 bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lương Duy P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Kim T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T2 rút kháng cáo xin hưởng án treo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp tình tiết gì mới ngoài các tình tiết mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Duy P và bị cáo Nguyễn Kim T2, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Trong phần tranh luận, bị cáo Lương Duy P và bị cáo Nguyễn Kim T2 không tham gia tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo bị cáo Lương Duy P và bị cáo Nguyễn Kim T2 xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Lương Duy P kinh doanh lĩnh vực cát, biết rõ có nhiều cá nhân, doanh nghiệp mua cát “trôi nổi” không có hóa đơn, P muốn thu lợi bất chính số lượng lớn trong thời gian ngắn, nên nảy sinh ý định sử dụng pháp nhân của các Cty Lương Duy P, C, Ngọc B, A để thực hiện hành vi mua bán hóa đơn trái phép. P là người chủ mưu, đã thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT với số lượng 14.353 hóa đơn (805 mua vào, 13.548 bán ra) và thu lợi bất chính số tiền 3.409.107.000 đồng. Đối với Nguyễn Kim T2 không có việc làm ổn định, vì muốn nhận tiền công hàng tháng, đã thực hiện hành vi phạm tội theo yêu cầu của bị cáo P. T2 biết rõ Phúc mua bán không có hàng hóa nhưng vẫn đồng ý thành lập và xuất hóa đơn của C theo yêu cầu của P. Ngoài ra, T2 còn xuất hóa đơn “đi đường” của C với 2.234 hóa đơn để P mua bán trái phép. Hành vi của bị cáo Lương Duy P bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Kim T2 bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự bằng Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2023 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét thấy khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ như bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nộp xong tiền thu lợi bất chính, khắc phục hậu quả; bị cáo có ông ngoại ruột, ông nội vợ là người có công với cách mạng. Bị cáo T2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nộp xong tiền thu lợi bất chính, khắc phục hậu quả; Bị cáo có anh ruột được tặng huy chương vì sự nghiệp tài chính, được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có cân nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, từ đó phán quyết mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo P và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo T2 là phù hợp.

[3] Bị cáo Lương Duy P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Kim T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T2 thay đổi kháng cáo rút kháng cáo xin được hưởng án treo, chỉ xin nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp tình tiết gì mới ngoài các tình tiết mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Duy P và bị cáo Nguyễn Kim T2, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với kháng cáo của các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Duy P và bị cáo Nguyễn Kim T2.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với bị cáo Lương Duy P và bị cáo Nguyễn Kim T2.

Tuyên bố các bị cáo Lương Duy P, Nguyễn Kim T2 đồng phạm Tội mua bán trái phép hoá đơn.

- Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 203; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Duy P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được trừ đi những ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 3 năm 2022 đến ngày 15 tháng 6 năm 2022.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Kim T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được trừ đi những ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 3 năm 2022 đến ngày 15 tháng 6 năm 2022.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-02-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lương Duy P và bị cáo Nguyễn Kim T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC-Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự (04 bản);
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- CCTHADS huyện Hồng Ngự;
- CQCSĐT Công an huyện Hồng Ngự;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THATA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mỹ